

| | | | |
|----|---|---------------------|--|
| 56 | Thủ tục cấp lại Thẻ đấu giá viên | Bán đấu giá tài sản | |
| 57 | Thủ tục cấp Thẻ đấu giá viên | | |
| 58 | Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản | | |
| 59 | Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản | | |
| 60 | Thủ tục đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản | | |
| 61 | Thủ tục phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến | | |
| 62 | Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý | | |
| 63 | Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý | Trợ giúp pháp lý | |
| 64 | Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý | | |
| 65 | Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý | | |
| 66 | Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật | | |
| 67 | Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý | | |
| 68 | Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý | | |
| 69 | Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý | | |
| 70 | Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý | Chứng thực | |
| 71 | Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý | | |
| 72 | Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được) | | |
| 73 | Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận | | |
| 74 | Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận | | |

| | | |
|----|--|---------------------|
| | | |
| 75 | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam | |
| 76 | Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động | |
| 77 | Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác | |
| 78 | Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại | |
| 79 | Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác | Hòa giải thương mại |
| 80 | Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc (cấp tỉnh) | |
| 81 | Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại | |
| 82 | Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam | |
| 83 | Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc Tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài | |
| 84 | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam Luật 54/2010/QH12 | |

| | | |
|----|---|----------------------|
| 85 | Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác | |
| 86 | Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác | Trọng tài thương mại |
| 87 | Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác | |
| 88 | Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | |
| 89 | Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam | |
| 90 | Thủ tục Thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi | Nuôi con nuôi |
| 91 | Thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng | |
| 92 | Thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi | |
| 93 | Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài | |
| 94 | Thủ tục Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi | |
| 95 | Xác định cơ quan giải quyết bồi thường | Bồi thường nhà nước |
| 96 | Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây ra thiệt hại | |
| 97 | Thủ tục Phục hồi danh dự | |

| | | | |
|---|--|-----------------|--|
| 98 | Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước | Quốc tịch | |
| 99 | Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước | | |
| 100 | Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước | | |
| 101 | Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam | | |
| 102 | Thủ tục Nhập quốc tịch Việt Nam | | |
| 103 | Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản | Quản tài viên | |
| 104 | Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân | | |
| 105 | Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản | | |
| 106 | Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản | | |
| 107 | Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của quản tài viên | | |
| 108 | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam) | Lý lịch tư pháp | |
| V SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (77 TTHC) | | | |
| 1 | Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/ thiết kế cơ sở điều chỉnh | Xây dựng | |
| 2 | Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế dự toán xây dựng điều chỉnh | | |
| 3 | Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương | Nông nghiệp | |
| 4 | Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên) | Thủy sản | |
| 5 | Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên) | | |
| 6 | Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương duồng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bò mẹ) | | |
| 7 | Cấp, cấp lại giấy chứng nhận hồ sơ đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) | | |
| 8 | Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu) | | |

Thủy sản

| | | | |
|----|---|----------------------|--|
| 9 | Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực | Truy suất | |
| 10 | Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng. | | |
| 11 | Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên | | |
| 12 | Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản | | |
| 13 | Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu) | | |
| 14 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng | | |
| 15 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng | Chăn nuôi | |
| 16 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn | | |
| 17 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn | | |
| 18 | Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính | | |
| 19 | Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Trồng trọt | |
| 20 | Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | | |
| 21 | Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành | Khoa học CN&MT | |
| 22 | Hỗ trợ dự án liên kết | | |
| 23 | Công nhận làng nghề | | |
| 24 | Công nhận nghề truyền thống | Phát triển nông thôn | |
| 25 | Công nhận làng nghề truyền thống | | |
| 26 | Bổ trí ổn định dân cư ngoài tỉnh | | |
| 27 | Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật | | |
| 28 | Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh) | Bảo vệ thực vật | |

| | | |
|----|---|------------|
| 29 | Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón | |
| 30 | Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y | |
| 31 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn | |
| 32 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống) | |
| 33 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản (đối với cơ sở phải đánh giá lại). | |
| 34 | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn | Thú y |
| 35 | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản | |
| 36 | Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc dưới nước) | |
| 37 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận | |
| 38 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung giấy chứng nhận | |
| 39 | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản) đối với cơ sở có có giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận | |
| 40 | Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y | |
| 41 | Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và PTR cấp tỉnh | |
| 42 | Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác | |
| 43 | Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý | |
| 44 | Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý | |
| 45 | Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác | |
| 46 | Thủ tục phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh | Lâm nghiệp |
| 47 | Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập | |

| | | |
|----|---|----------|
| 48 | Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh) | |
| 49 | Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức | |
| 50 | Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp | |
| 51 | Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES | |
| 52 | Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên | Kiểm Lâm |
| 53 | Phân loại doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu gỗ | |
| 54 | Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh | |
| 55 | Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh | |
| 56 | Phê duyệt, điều chỉnh phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý | |
| 57 | Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý | |
| 58 | Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh | |
| 59 | Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh | |
| 60 | Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh | |
| 61 | Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh | |
| 62 | Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa sơ thuỷ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh | |

| | | |
|----|---|-----------------------|
| | | |
| 63 | Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh | Thủy lợi |
| 64 | Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh | |
| 65 | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh | |
| 66 | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh | |
| 67 | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh | |
| 68 | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh | |
| 69 | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh | |
| 70 | Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh | |
| 71 | Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh | |
| 72 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh | |
| 73 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh | |
| 74 | Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. | |
| 75 | Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh | |
| 76 | Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ | Phòng chống thiên tai |

| | | | |
|--|--|---------------------------------|--|
| 77 | Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ | | |
| VI SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (50 TTHC) | | | |
| 1 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 2 | Thủ tục đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 3 | Thủ tục thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 4 | Thủ tục Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 5 | Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 6 | Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 7 | Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 8 | Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 9 | Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 10 | Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 11 | Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 12 | Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 13 | Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 14 | Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |

| | | | |
|----|---|---------------------------------|--|
| 15 | Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 16 | Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 17 | Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 18 | Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyên giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 19 | Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 20 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 21 | Thủ tục thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức Khoa học và Công nghệ | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 22 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 23 | Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 24 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 25 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký, gia hạn, sửa đổi, bổ sung chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) | Hoạt động Khoa học và Công nghệ | |
| 26 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp | Sở hữu trí tuệ | |
| 27 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp | Sở hữu trí tuệ | |
| 28 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Điện Biên” | Sở hữu trí tuệ | |
| 29 | Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Điện Biên” | Sở hữu trí tuệ | |
| 30 | Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Điện Biên” | Sở hữu trí tuệ | |
| 31 | Thủ tục gia hạn hiệu lực Giấy chứng nhận quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Điện Biên” | Sở hữu trí tuệ | |
| 32 | Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Điện Biên” | Sở hữu trí tuệ | |

| | | | |
|----|--|--|--|
| 33 | Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế | Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân | |
| 34 | Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế | Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân | |
| 35 | Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế | Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân | |
| 36 | Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng | Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng | |
| 37 | Thủ tục đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu | Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng | |
| 38 | Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (cấp tỉnh) | Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng | |
| 39 | Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định | Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng | |
| 40 | Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp | Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng | |
| 41 | Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia | Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng | |
| 42 | Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu | Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng | |
| 43 | Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu | Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng | |
| 44 | Thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng | |
| 45 | Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân | Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng | |
| 46 | Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố dấu định lượng | Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng | |
| 47 | Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận | Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng | |
| 48 | Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh | Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng | |
| 49 | Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành | Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng | |
| 50 | Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban | Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng | |

| VII | SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (89 TTHC) | |
|------------|---|--|
| 1 | Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ | |
| 2 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác | |
| 3 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” | |
| 4 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an | |
| 5 | Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh | |
| 6 | Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an. | |
| 7 | Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an | |
| 8 | Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý | |
| 9 | Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý | |
| 10 | Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình | |
| 11 | Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ | |
| 12 | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng | |
| 13 | Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học | |
| 14 | Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, dày | |
| 15 | Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng | |
| 16 | Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân | |

Người có công

| | | |
|----|---|----------------|
| | | |
| 17 | Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên | |
| 18 | Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ | |
| 19 | Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công | |
| 20 | Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng | |
| 21 | Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ | |
| 22 | Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh | |
| 23 | Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết | |
| 24 | Giới thiệu người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đi giám định lại tỷ lệ suy giảm khả năng lao động | |
| 25 | Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang Lào, Cam pu chia | |
| 26 | Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật. | |
| 27 | Gia hạn quyết định công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh có từ 30% lao động trở lên là người khuyết tật. | |
| 28 | Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. | |
| 29 | Đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. | |
| 30 | Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. | |
| 31 | Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động sơ sở trợ giúp xã hội do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp. | Bảo trợ xã hội |
| 32 | Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em. | |

| | | |
|----|--|--|
| 33 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. | |
| 34 | Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh | |
| 35 | Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh | |
| 36 | Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện. | |
| 37 | Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài | |
| 38 | Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | |
| 39 | Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm | |
| 40 | Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm | |
| 41 | Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm | |
| 42 | Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động | |
| 43 | Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm | |
| 44 | Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm | |
| 45 | Thông báo tìm kiếm việc làm hàng tháng | |
| 46 | Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm | |
| 47 | Cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động | |
| 48 | Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động | |
| 49 | Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động | |
| 50 | Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động | |
| 51 | Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động | |
| 52 | Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể | |
| 53 | Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể | |

| | | | |
|----|---|-----------------------------|--|
| 54 | Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do UBND tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II, hạng III) | Tiền lương | |
| 55 | Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân | | |
| 56 | Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân | | |
| 57 | Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân | | |
| 58 | Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân | | |
| 59 | Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân | | |
| 60 | Thủ tục nghỉ chịu tang của học viên tại Trung tâm Chữa bệnh- Giáo dục- Lao động xã hội | | |
| 61 | Đăng ký công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa | | |
| 62 | Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động | An toàn, vệ sinh lao động | |
| 63 | Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp | | |
| 64 | Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày | | |
| 65 | Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết | Quản lý lao động ngoài nước | |
| 66 | Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày) | | |
| 67 | Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | | |
| 68 | Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | | |
| 69 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp | | |
| 70 | Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài | | |

| | | |
|----|---|----------------------|
| 71 | Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | |
| 72 | Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận | |
| 73 | Cho phép hoạt động liên kết đào tạo trở lại đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp | |
| 74 | Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | |
| 75 | Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài | |
| 76 | Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh | Giáo dục nghề nghiệp |
| 77 | Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận | |
| 78 | Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận | |
| 79 | Thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc UBND cấp tỉnh | |
| 80 | Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | |
| 81 | Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | |
| 82 | Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập | |
| 83 | Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập | |
| 84 | Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập | |
| 85 | Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục | |
| 86 | Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục | |
| 87 | Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị | |
| 88 | Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục | |

| | | | |
|---|--|----------------------|--|
| 89 | Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em | Trẻ em | |
| VIII SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (67 TTHC) | | | |
| 1 | Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục | | |
| 2 | Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục | | |
| 3 | Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại | Giáo dục trung học | |
| 4 | Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông | | |
| 5 | Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường trung học phổ thông) | | |
| 6 | Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục | | |
| 7 | Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm | | |
| 8 | Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp sư phạm) | | |
| 9 | Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp | | |
| 10 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp | Giáo dục nghề nghiệp | |
| 11 | Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp | | |
| 12 | Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục | | |
| 13 | Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu) | | |
| 14 | Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú | | |
| 15 | Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục | | |
| 16 | Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú | Giáo dục dân tộc | |
| 17 | Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường) | | |
| 18 | Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên | | |

| | | | |
|----|--|---|--|
| 19 | Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại | Giáo dục thường xuyên | |
| 20 | Sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục thường xuyên | | |
| 21 | Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên | | |
| 22 | Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục | | |
| 23 | Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục | | |
| 24 | Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại | | |
| 25 | Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên | | |
| 26 | Giải thể trường trung học phổ thông chuyên | | |
| 27 | Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương | | |
| 28 | Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học | | |
| 29 | Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục | | |
| 30 | Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại | | |
| 31 | Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học | | |
| 32 | Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học) | Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác | |
| 33 | Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thục | | |
| 34 | Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục | | |
| 35 | Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại | | |
| 36 | Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập | | |
| 37 | Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập) | | |
| 38 | Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa | | |
| 39 | Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa | | |

| | | |
|----|--|--|
| 40 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học | |
| 41 | Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học | |
| 42 | Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại | |
| 43 | Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên | |
| 44 | Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài | |
| 45 | Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên | |
| 46 | Xét, cấp học bổng chính sách | |
| 47 | Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục | Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |
| 48 | Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh | |
| 49 | Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số | |
| 50 | Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người | |
| 51 | Đề nghị miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em, học sinh, sinh viên | |
| 52 | Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam | |
| 53 | Phê duyệt liên kết giáo dục | |
| 54 | Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục | |
| 55 | Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết | |
| 56 | Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam | |
| 57 | Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam | |
| 58 | Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận | |

| | | | |
|-----------|--|---------------------------|--|
| 59 | Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận | Đào tạo với nước ngoài | |
| 60 | Cho phép hoạt động giáo dục đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam | | |
| 61 | Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với: cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam | | |
| 62 | Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam | | |
| 63 | Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam | | |
| 64 | Tuyển sinh trung học phổ thông | Quy chế thi và tuyển sinh | |
| 65 | Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin | | |
| 66 | Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú (Xét tuyển sinh vào trường PTDTNT) | | |
| 67 | Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học | | |
| IX | SỞ NỘI VỤ (5 TTHC) | | |
| 1 | Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh | Công tác thanh niên | |
| 2 | Thủ tục giải thể tổ chức Thanh niên xung phong cấp tỉnh | | |
| 3 | Thủ tục xác nhận phiến hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh | | |
| 4 | Quyết định hưởng chế độ trợ cấp 1 lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến | Lĩnh vực Người có công | |
| 5 | Quyết định hưởng chế độ chế độ trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến | Người có công | |
| X | SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG (26 TTHC) | | |

| | | | |
|----|---|---|---|
| 1 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng | Internet | |
| 2 | Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng | | |
| 3 | Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng | | |
| 4 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng | | |
| 5 | Cấp giấy phép buu chính | Buu chính | |
| 6 | Sửa đổi, bổ sung giấy phép buu chính | | |
| 7 | Cấp lại giấy phép buu chính khi hết hạn | | |
| 8 | Cấp lại giấy phép buu chính bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được | | |
| 9 | Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài | Báo chí | |
| 10 | Cho phép họp báo nước ngoài | | |
| 11 | Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh | | |
| 12 | Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh | | |
| 13 | Thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng | Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử | |
| 14 | Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên | | |
| 15 | Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt | | |
| 16 | Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động); thể loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng | | Phát thanh truyền hình và thông tin điện t tử |

| | | |
|------------|--|---------------------------|
| | | |
| 17 | Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên | tử |
| 18 | Đăng ký sử dụng máy Photocopy màu, máy in có chức năng Photocopy màu | |
| 19 | Chuyển nhượng máy Photocopy màu, máy in có chức năng Photocopy màu | |
| 20 | Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm | |
| 21 | Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm | Xuất bản, in và phát hành |
| 22 | Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm | |
| 23 | Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài | |
| 24 | Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh | |
| 25 | Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm | |
| 26 | Đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm | |
| XI | BAN DÂN TỘC (0 TTHC) | |
| XII | SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (108 TTHC) | |
| 1 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình | |
| 2 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình | |
| 3 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình | |
| 4 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình | |
| 5 | Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình | |
| 6 | Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình | Gia đình |
| 7 | Cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình | |

| | | |
|----|--|----------------|
| 8 | Cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình | |
| 9 | Cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình | |
| 10 | Cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình | |
| 11 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình | |
| 12 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình | |
| 13 | Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập | |
| 14 | Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia | |
| 15 | Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương | |
| 16 | Xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập | |
| 17 | Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp | |
| 18 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật | |
| 19 | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích | |
| 20 | Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia | |
| 21 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật | |
| 22 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích | |
| 23 | Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích | |
| 24 | Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật | |
| | Cấp giấy phép phô biến phim (- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; | Di sản văn hóa |

| | | |
|----|--|----------------------------------|
| | | |
| 25 | <p>- Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện:</p> <p>+ Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến;</p> <p>+ Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)</p> | Điện ảnh |
| 26 | Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu) | |
| 27 | Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật | |
| 28 | Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng | |
| 29 | Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc | |
| 30 | Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật | |
| 31 | Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ | |
| 32 | Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | |
| 33 | Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm |
| 34 | Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại | |
| 35 | Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại | |
| 36 | Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại | |

| | | | |
|----|--|---|--|
| 37 | Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại | | |
| 38 | Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại | | |
| 39 | Tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương) | Nghệ thuật biểu diễn | |
| 40 | Tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn | | |
| 41 | Tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu | | |
| 42 | Ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu | | |
| 43 | Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt | | |
| 44 | Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam | | |
| 45 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam | Văn hóa cơ sở | |
| 46 | Cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam | | |
| 47 | Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh | | |
| 48 | Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh | Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa | |
| 49 | Phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh | | |
| 50 | Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh | | |

| | | | |
|----|---|---|--|
| 51 | Cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ | Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ | |
| 52 | Thông báo thành lập đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam | | |
| 53 | Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam | Thư viện | |
| 54 | Thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam | | |
| 55 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận | | |
| 56 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng | | |
| 57 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Billards & snooker | | |
| 58 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Thể dục thể hình và Fitness | | |
| 59 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Mô tô nước trên biển | | |
| 60 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Vũ đạo giải trí | | |
| 61 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Khiêu vũ thể thao | | |
| 62 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động môn Võ cổ truyền và Vovinam | | |

| | | |
|----|--|--|
| 63 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Quần vợt | |
| 64 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Thể dục thẩm mỹ | |
| 65 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Dù lượn và Diều bay | |
| 66 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động tập luyện Quyền anh | |
| 67 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo | |
| 68 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bắn súng thể thao | |
| 69 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Karate | |
| 70 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng | |
| 71 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Judo | |
| 72 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng đá | |
| 73 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn | |
| 74 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Cầu lông | |
| 75 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Patin | |
| 76 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Yoga | |

Thể dục, thể thao

| | | |
|----|---|--|
| 77 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Golf | |
| 78 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lặn biển thể thao giải trí | |
| 79 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném | |
| 80 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu | |
| 81 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao | |
| 82 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ | |
| 83 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đáu kiếm thể thao | |
| 84 | Đăng cai tổ chức Giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | |
| 85 | Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do Liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai | |
| 86 | Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do Liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức | |
| 87 | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài | |
| 88 | Công nhận khu du lịch cấp tỉnh | |
| 89 | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện | |
| 90 | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy | |
| 91 | Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài | |

| | | | |
|-------------|--|-----------------------|--|
| 92 | Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài | | |
| 93 | Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa | | |
| 94 | Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch | | |
| 95 | Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch | | |
| 96 | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | | |
| 97 | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | | |
| 98 | Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | | |
| 99 | Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | | |
| 100 | Cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | | |
| 101 | Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể | | |
| 102 | Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản | | |
| 103 | Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài | | |
| 104 | Cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế | | |
| 105 | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | | |
| 106 | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | | |
| 107 | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | | |
| 108 | Hỗ trợ hướng dẫn viên du lịch bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 | | |
| XIII | SỞ CÔNG THƯƠNG (110 TTHC) | | |
| 1 | Thủ tục đăng ký kinh doanh tại khu (điểm) chợ biên giới | Xuất nhập khẩu | |

| | | | |
|----|---|--------------------|--|
| 2 | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | | |
| 3 | Điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | | |
| 4 | Gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | | |
| 5 | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | | |
| 6 | Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa | | |
| 7 | Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn | | |
| 8 | Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí | | |
| 9 | Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP | | |
| 10 | Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | | |
| 11 | Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | Thương mại quốc tế | |
| 12 | Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP | | |
| 13 | Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) | | |
| 14 | Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) | | |
| 15 | Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ | | |

| | | | |
|----|---|---------------------------|--|
| 16 | Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ² | Quản lý cạnh tranh | |
| 17 | Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại | | |
| 18 | Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini | | |
| 19 | Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép | | |
| 20 | Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo | | |
| 21 | Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương | | |
| 22 | Đăng ký Hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương | | |
| 23 | Cấp giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ | | |
| 24 | Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương | | |
| 25 | Cấp sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương | | |
| 26 | Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương | | |
| 27 | Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu | | |
| 28 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu | | |
| 29 | Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu | | |
| 30 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu | | |
| 31 | Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu | | |
| 32 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá | | |
| 33 | Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá | | |

| | | |
|----|---|--|
| 34 | Cấp giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | |
| 35 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | |
| 36 | Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | |
| 37 | Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương | |
| 38 | Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương | |
| 39 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá | |
| 40 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá | |
| 41 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá | |
| 42 | Cấp giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá | |
| 43 | Cấp lại giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá | |
| 44 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá | |
| 45 | Cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) | |
| 46 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) | |
| 47 | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) | |
| 48 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG | |
| 49 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG | |
| 50 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG | |
| 51 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai | |
| 52 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai | |
| 53 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai | |
| 54 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn | |

| | | | |
|----|---|-----------------------|--|
| 55 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn | Kinh doanh khí | |
| 56 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn | | |
| 57 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải | | |
| 58 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải | | |
| 59 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải | | |
| 60 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhận kinh doanh mua bán LNG | | |
| 61 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhận kinh doanh mua bán LNG | | |
| 62 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhận kinh doanh mua bán LNG | | |
| 63 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải | | |
| 64 | Cấp Lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải | | |
| 65 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải | | |
| 66 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG | | |
| 67 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG | | |
| 68 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG | | |
| 69 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải | | |
| 70 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải | | |
| 71 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải | | |
| 72 | Thu hồi Giấy phép sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp | | |
| 73 | Cấp lại Giấy phép sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương | | |
| 74 | Cấp giấy chứng nhận huấn luyện Kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ | | |

Vật liệu nổ công nghiệp

| | | | |
|----|---|-------------------|--|
| 75 | Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện Kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ | | |
| 76 | Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện Kỹ thuật an toàn VLCN thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương | | |
| 77 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | | |
| 78 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | | |
| 79 | Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | Lĩnh vực Hóa chất | |
| 80 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | | |
| 81 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | | |
| 82 | Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | | |
| 83 | Huấn luyện và cấp sửa đổi , bổ sung thẻ an toàn điện thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương | | |
| 84 | Cấp lại thẻ an toàn điện thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương | | |
| 85 | Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương | | |
| 86 | Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng thẻ | | |
| 87 | Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương | | |
| 88 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương | Lĩnh vực điện | |

| | | |
|-----|--|--|
| 89 | Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 MW đặt tại địa phương | |
| 90 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 MW đặt tại địa phương | |
| 91 | Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kv tại địa phương | |
| 92 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kv tại địa phương | |
| 93 | Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kv tại địa phương | |
| 94 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kv tại địa phương | |
| 95 | Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP) | |
| 96 | Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP) | |
| 97 | Cấp gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP) | Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy diện |
| 98 | Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | |
| 99 | Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | |
| 100 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | |
| 101 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | |

| | | | |
|------------|---|------------------------------------|--|
| 102 | Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m ³ đến dưới 5.000m ³ | Lĩnh vực Đầu khí | |
| 103 | Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m ³ | | |
| 104 | Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m ³ | | |
| 105 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện | | |
| 106 | Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại | Lĩnh vực dịch vụ thương mại | |
| 107 | Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại | | |
| 108 | Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng | Lĩnh vực Khoa học công nghệ | |
| 109 | Đăng ký hoạt động khuyên mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Xúc tiến thương mại | |
| 110 | Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | | |
| XIV | SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (53 TTHC) | | |
| 1 | Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước 01/7/2004 | Đất đai | |
| 2 | Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Đất đai | |
| 3 | Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao | Đất đai | |

| | | | |
|----|--|---------|--|
| | | | |
| 4 | Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao | Đất dai | |
| 5 | Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đổi với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | Đất dai | |
| 6 | Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo | Đất dai | |
| 7 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định | Đất dai | |
| 8 | Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất | Đất dai | |
| 9 | Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận | Đất dai | |
| 10 | Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế | Đất dai | |
| 11 | Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất | Đất dai | |
| 12 | Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp | Đất dai | |
| 13 | Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện | Đất dai | |
| 14 | Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu | Đất dai | |

| | | | |
|----|--|------------|--|
| 15 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất | Đất đai | |
| 16 | Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp | Đất đai | |
| 17 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở | Đất đai | |
| 18 | Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm | Đất đai | |
| 19 | Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thuê chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của nhóm người sử dụng đất; <i>đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</i> | Đất đai | |
| 20 | Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất | Đất đai | |
| 21 | Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền | Đất đai | |
| 22 | Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất | Đất đai | |
| 23 | Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại | Môi trường | |
| 24 | Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (TTHC cấp tỉnh) | | |
| 25 | Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (TTHC cấp tỉnh) | | |
| 26 | Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm | | |

| | | |
|----|---|-----------------|
| 27 | Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất với công trình có lưu lượng dưới $3.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ | |
| 28 | Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới $3.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ | |
| 29 | Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới $3.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ | |
| 30 | Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với Tài nguyên nước lưu lượng dưới $2\text{m}^3/\text{giây}$; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw ; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới $50.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; | |
| 31 | Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới $2\text{m}^3/\text{giây}$; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw ; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới $50.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. | Tài nguyên nước |
| 32 | Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới $30.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới $3.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ đối với các hoạt động khác | |
| 33 | Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới $30.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới $3.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ đối với các hoạt động khác | |
| 34 | Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ | |
| 35 | Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ | |
| 36 | Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản | |
| 37 | Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản | |
| 38 | Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản | |
| 39 | Phê duyệt trữ lượng khoáng sản | |
| 40 | Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản | |
| 41 | Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản | |

| | | |
|-----------|---|------------|
| 42 | Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản | |
| 43 | Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản | |
| 44 | Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình | |
| 45 | Đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình | Khoáng sản |
| 46 | Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản | |
| 47 | Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản | |
| 48 | Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản | |
| 49 | Đóng cửa mỏ khoáng sản | |
| 50 | Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản | |
| 51 | Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt | |
| 52 | Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II | |
| 53 | Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường | |
| XV | SỞ Y TẾ (85 TTHC) | |
| 1 | Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II | |
| 2 | Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế | |
| 3 | Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp | |
| 4 | Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp | |
| 5 | Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS | |
| 6 | Công bố phòng xét nghiệm đủ điều kiện thực hiện xét nghiệm sàng lọc HIV thuộc thẩm quyền của Sở Y tế cấp | |
| 7 | Xác định trường hợp được bồi thường khi xảy ra tai biến trong tiêm chủng | |

| | | | |
|----|--|------------------------|--|
| 8 | Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện | Lĩnh vực Y tế dự phòng | |
| 9 | Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự | | |
| 10 | Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất | | |
| 11 | Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ | | |
| 12 | Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm | | |
| 13 | Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | |
| 14 | Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ | | |
| 15 | Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ | | |
| 16 | Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm | | |
| 17 | Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng | | |
| 18 | Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | |
| 19 | Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | |
| 20 | Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế | | |
| 21 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. | | |
| 22 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. | | |
| 23 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà Hỗn Sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. | | |

| | | |
|----|--|-------------------------|
| 24 | Cấp lại giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | |
| 25 | Cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. | |
| 26 | Cấp giấy phép hoạt động đối với khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo với trạm xá, trạm y tế cấp xã | |
| 27 | Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | |
| 28 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm | |
| 29 | Cấp lại giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | |
| 30 | Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế | |
| 31 | Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế | |
| 32 | Cho phép đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế | |
| 33 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng | |
| 34 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Lĩnh vực Khám chữa bệnh |
| 35 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo | |
| 36 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp | |
| 37 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | |

| | | |
|----|---|----------------------|
| | | |
| 38 | Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền | |
| 39 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế, bệnh viện tư nhân hoặc thuốc các Bộ khác (trừ các bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập | |
| 40 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | |
| 41 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | |
| 42 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả | |
| 43 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tại nhà | |
| 44 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc | |
| 45 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh | |
| 46 | Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn | |
| 47 | Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT | |
| 48 | Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT | |
| 49 | Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT | |
| 50 | Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế | Lĩnh vực Trang thiết |

| | | | |
|----|---|---------------------------|--|
| 51 | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A | bị và công trình y tế | |
| 52 | Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Lĩnh vực Tổ chức cán bộ | |
| 53 | Miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Lĩnh vực Tổ chức cán bộ | |
| 54 | Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Lĩnh vực phòng, chống HIV | |
| 55 | Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính | Lĩnh vực phòng, chống HIV | |
| 56 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Lĩnh vực phòng, chống HIV | |
| 57 | Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc | | |
| 58 | Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d Khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT-BYT | | |
| 59 | Dánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh không vì mục đích thương mại | | |
| 60 | Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT | | |
| 61 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | | |
| 62 | Cấp Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp CCHND bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp CCHND | | |
| 63 | Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ | | |
| 64 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ được liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền) | | |

| | | |
|----|--|---------------|
| | | |
| 65 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh được mà có thay đổi điều kiện kinh doanh, thay đổi địa điểm kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | Lĩnh vực Dược |
| 66 | Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động | |
| 67 | Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế | |
| 68 | Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt | |
| 69 | Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh | |
| 70 | Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc | |
| 71 | Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước | |
| 72 | Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được | |
| 73 | Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được | |
| 74 | Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | |
| 75 | Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế | |

| | | | |
|----|--|-------------------------|--|
| 76 | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm | Lĩnh vực Dược - Mỹ phẩm | |
| 77 | Cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm | | |
| 78 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm | | |
| 79 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm | | |
| 80 | Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước | | |
| 81 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng | | |
| 82 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT | | |
| 83 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo | | |
| 84 | Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu | | |
| 85 | Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khỏi ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố. | Lĩnh vực Đào tạo | |

XVI SỔ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (43 TTHC)

| | | | |
|---|---|---|--|
| 1 | Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo | Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa | |
| 2 | Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo | | |
| 3 | Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo | | |
| 4 | Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo | | |
| 5 | Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư | Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội | |
| 6 | Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường | | |
| 7 | Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường | | |
| 8 | Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường | | |

| | | |
|----|---|---------------------------------|
| 9 | Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành Doanh nghiệp xã hội | |
| 10 | Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | |
| 11 | Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | |
| 12 | Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | |
| 13 | Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | |
| 14 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư | |
| 15 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư | |
| 16 | Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | |
| 17 | Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư) | |
| 18 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | |
| 19 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ | |
| 20 | Chuyển nhượng dự án đầu tư | Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam |
| 21 | Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế. | |
| 22 | Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài. | |
| 23 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. | |
| 24 | Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. | |
| 25 | Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. | |
| 26 | Giãn tiến độ đầu tư. | |

| | | |
|----|---|--|
| 27 | Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư. | |
| 28 | Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư. | |
| 29 | Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. | |
| 30 | Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. | |
| 31 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương. | |
| 32 | Cung cấp thông tin về dự án đầu tư. | |
| 33 | Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư. | |
| 34 | Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài (Trong trường hợp tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài vốn góp, mua cổ phần, phần vốn góp đặt trụ sở chính tại tỉnh Điện Biên) | Lĩnh vực thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn |
| 35 | Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. | Lĩnh vực thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn |
| 36 | Thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất (PPP) | Lĩnh vực đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) |
| 37 | Thủ tục thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi do nhà đầu tư đề xuất (PPP) | Lĩnh vực đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) |
| 38 | Thủ tục thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh do nhà đầu tư đề xuất (PPP) | Lĩnh vực đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) |
| 39 | Thủ tục Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại | Lĩnh vực đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) |
| 40 | Thủ tục Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản | Lĩnh vực đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) |
| 41 | Thủ tục Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng | Lĩnh vực đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) |
| 42 | Thủ tục Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm | Lĩnh vực đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) |
| 43 | Thủ tục Xác nhận chuyên gia | |

| | | |
|-------------|---|-------------------------|
| XVII | THANH TRA TỈNH (8 TTHC) | |
| 1 | Thủ tục giải quyết tố cáo cấp tỉnh | |
| 2 | Thủ tục khiếu nại lần đầu cấp tỉnh | Khiếu nại, tố cáo |
| 3 | Thủ tục khiếu nại lần hai cấp tỉnh | |
| 4 | Thủ tục Tiếp công dân cấp tỉnh | |
| 5 | Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập | |
| 6 | Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập | Phòng, chống tham nhũng |
| 7 | Thủ tục thực hiện việc giải trình | |
| 8 | Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình | |
| B | TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN: 303 TTHC | |
| | CẤP HUYỆN (215 TTHC) | |
| 1 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện | |
| 2 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện | |
| 3 | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với các phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa | |
| 4 | Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa | |
| 5 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký sang cơ quan đăng ký phương tiện đường thủy nội địa | |
| 6 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật | |
| 7 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện | |
| 8 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện | |
| 9 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác | Kinh tế - Hạ tầng |

| | | |
|----|---|--|
| 10 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện | |
| 11 | Xóa chứng nhận đăng ký phương tiện | |
| 12 | Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng | |
| 13 | Cấp phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án và nhà ở riêng lẻ) | |
| 14 | Cấp giấy phép di dời công trình đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của trung ương, cấp tỉnh | |
| 15 | Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em | |
| 16 | Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng | |
| 17 | Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đổi tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh | |
| 18 | Thủ tục quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đổi tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh | |
| 19 | Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp | |
| 20 | Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng | |
| 21 | Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc | |
| 22 | Thủ tục thực hiện điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng | |
| 23 | Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của phòng Lao động – Thương binh và Xã hội | |

**Lao động - Thương
binh và Xã hội**

| | | |
|----|---|--|
| 24 | Đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của phòng Lao động – Thương binh và Xã hội | |
| 25 | Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của phòng Lao động – Thương binh và Xã hội | |
| 26 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của phòng Lao động – Thương binh và Xã hội | |
| 27 | Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của phòng Lao động – Thương binh và Xã hội | |
| 28 | Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp | |
| 29 | Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền | |
| 30 | Hỗ trợ chí phí huấn luyện trực tiếp cho người lao động ở khu vực không có hợp đồng lao động | |
| 31 | Thủ tục nhận hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiêu tiên, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện) | |
| 32 | Thủ tục đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa | |
| 33 | Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật | |
| 34 | Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện) | |
| 35 | Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp (UBND huyện phê duyệt) | |
| 36 | Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh | |
| 37 | Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) | |
| 38 | Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) | |

| | |
|----|--|
| | |
| 39 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên) |
| 40 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên). |
| 41 | Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện |
| 42 | Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện |
| 43 | Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp (UBND huyện phê duyệt) |
| 44 | Phê duyệt hồ sơ cấp phép khai thác chính gỗ UBND cấp huyện rừng tự nhiên của chủ rừng là hộ gia đình |
| 45 | Thẩm định và phê duyệt dự án lâm sinh (đối với cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn) |
| 46 | Bố trí ổn định dân cư trong huyện |
| 47 | Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại |
| 48 | Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại |
| 49 | Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại |
| 50 | Thu hồi giấy chứng nhận kinh tế trang trại |
| 51 | Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp (UBND huyện phê duyệt) |
| 52 | Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh |
| 53 | Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) |
| 54 | Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) |
| 55 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên) |

**Lĩnh vực Nông
nghiệp và Phát triển
nông thôn**

| | | |
|----|--|--|
| 56 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên). | |
| 57 | Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện | |
| 58 | Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện | |
| 59 | Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp (UBND huyện phê duyệt) | |
| 60 | Phê duyệt hồ sơ cấp phép khai thác chính gỗ UBND cấp huyện rừng tự nhiên của chủ rừng là hộ gia đình | |
| 61 | Thẩm định và phê duyệt dự án lâm sinh (đối với cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn) | |
| 62 | Bố trí ổn định dân cư trong huyện | |
| 63 | Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại | |
| 64 | Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại | |
| 65 | Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại | |
| 66 | Thu hồi giấy chứng nhận kinh tế trang trại | |
| 67 | Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp (UBND huyện phê duyệt) | |
| 68 | Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh | |
| 69 | Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) | |
| 70 | Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) | |
| 71 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên) | |
| 72 | Thủ tục thi tuyển công chức | |
| 73 | Thủ tục xét tuyển công chức | |
| 74 | Thủ tục tiếp nhận các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức | |

| | | |
|----|---|-----------------|
| | | |
| 75 | Thủ tục xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên | |
| 76 | Thủ tục thi tuyển viên chức | |
| 77 | Thủ tục xét tuyển đặc cách viên chức | |
| 78 | Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở huyện | |
| 79 | Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện | |
| 80 | Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện | |
| 81 | Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo | Lĩnh vực Nội vụ |
| 82 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện | |
| 83 | Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện | |
| 84 | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực | |
| 85 | Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội | |
| 86 | Thủ tục thành lập hội | |
| 87 | Thủ tục phê duyệt điều lệ hội | |
| 88 | Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội | |
| 89 | Thủ tục đổi tên hội | |
| 90 | Thủ tục hội tự giải thể | |
| 91 | Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội | |
| 92 | Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp cho cả người chứng thực không thể ký, không điểm chỉ được) | |
| 93 | Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của phòng tư pháp | |

| | | |
|-----|---|------------------|
| 94 | Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của phòng tư pháp | |
| 95 | Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản | |
| 96 | Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản | |
| 97 | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài | |
| 98 | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài | |
| 99 | Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài | |
| 100 | Thủ tục đăng ký nhận cha mẹ, con có yếu tố nước ngoài | |
| 101 | Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài | |
| 102 | Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài | |
| 103 | Thủ tục chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài | |
| 104 | Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài | |
| 105 | Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài | Lĩnh vực Tư pháp |
| 106 | Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (Khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) | |
| 107 | Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài | |
| 108 | Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân | |
| 109 | Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài | |
| 110 | Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài | |
| 111 | Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng giao dịch | |
| 112 | Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch | |
| 113 | Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng giao dịch đã được chứng thực | |

| | | |
|-----|--|--|
| 114 | Thủ tục chứng thực hợp đồng giao dịch liên quan đến tài sản là động sản | |
| 115 | Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | |
| 116 | Thủ tục phục hồi danh dự | |
| 117 | Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng khi thực hiện hoạt động hòa giải | |
| 118 | Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” | |
| 119 | Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” | |
| 120 | Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” | |
| 121 | Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm | |
| 122 | Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện | |
| 123 | Thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện | |
| 124 | Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng | |
| 125 | Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng | |
| 126 | Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng | Lĩnh vực Văn hóa và Thông tin |
| 127 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) | |

| | | |
|-----|--|------------------|
| 128 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) | |
| 129 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) | |
| 130 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) | |
| 131 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) | |
| 132 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) | |
| 133 | Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng | |
| 134 | Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng | |
| 135 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Điện Biên | Lĩnh vực Y tế |
| 136 | Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số | Lĩnh vực Dân tộc |
| 137 | Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số | |
| 138 | Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục | |
| 139 | Cho phép trường tiểu học học hoạt động giáo dục | |
| 140 | Cho phép trường tiểu học học hoạt động giáo dục trở lại | |
| 141 | Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học | |
| 142 | Chuyển trường đổi với học sinh Tiểu học | |
| 143 | Thành lập trung tâm học tập cộng đồng | |
| 144 | Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại | |
| 145 | Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục | |

| | | |
|-----|---|--|
| 146 | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục | |
| 147 | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại | |
| 148 | Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ | |
| 149 | Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập) | |
| 150 | Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ | |
| 151 | Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã | |
| 152 | Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận | |
| 153 | Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận | |
| 154 | Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp | |
| 155 | Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp | |
| 156 | Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục | |
| 157 | Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục | |
| 158 | Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại | |
| 159 | Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở | |
| 160 | Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư | |
| 161 | Giao đất, giao thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất | |
| 162 | Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu | |

**Lĩnh vực Giáo dục
và Đào tạo**

| | | |
|-----|--|-------------------------------------|
| | | |
| 163 | Đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định | |
| 164 | Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất | |
| 165 | Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ thân nhân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận | |
| 166 | Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề | Lĩnh vực Tài nguyên – Môi trường |
| 167 | Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế | |
| 168 | Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đối với trường hợp có nhu cầu | |
| 169 | Tách thửa hoặc hợp thửa. | |
| 170 | Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất | |
| 171 | Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp | |
| 172 | Thủ hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện | |
| 173 | Đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu | |
| 174 | Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất trong trường hợp thửa đất gốc chưa được cấp Giấy chứng nhận | |
| 175 | Đăng ký thành lập hợp tác xã | |

| | | |
|-----|--|--|
| 176 | Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã | |
| 177 | Đăng ký khi hợp tác xã chia | |
| 178 | Đăng ký khi hợp tác xã tách | |
| 179 | Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất | |
| 180 | Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập | |
| 181 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng) | |
| 182 | Giải thể tự nguyện hợp tác xã | |
| 183 | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã | |
| 184 | Thông báo về việc góp vốn mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã | |
| 185 | Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã | |
| 186 | Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hợp tác xã | |
| 187 | Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã | |
| 188 | Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã | |
| 189 | Mua hóa đơn lẻ | |
| 190 | Mua quyền hóa đơn | |
| 191 | Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công | |
| 192 | Thủ tục phát hành hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn | |
| 193 | Thủ tục làm rõ hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn | |
| 194 | Sửa đổi hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn | |
| 195 | Làm rõ hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn | |
| 196 | Mở thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn | |
| 197 | Phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng | |
| 198 | Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng | |
| 199 | Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng | |

**Lĩnh vực Tài chính
– Kế hoạch**

| | | |
|-------------------------|--|--|
| 200 | Làm rõ hồ sơ dự thầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng | |
| 201 | Mở thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia | |
| 202 | Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư | |
| 203 | Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư | |
| 204 | Làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư | |
| 205 | Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư | |
| 206 | Làm rõ hồ sơ dự tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đề xuất trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư | |
| 207 | Mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư | |
| 208 | Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư | |
| 209 | Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư | |
| 210 | Mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư | |
| 211 | Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư | |
| 212 | Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư | |
| 213 | - Quyết toán dự án hoàn thành các dự án sử dụng vốn nhà nước (cấp huyện) | |
| 214 | Thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn | |
| 215 | Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn | |
| CÁP XÃ (88 TTHC) | | |
| 1 | Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ | |
| 2 | Thủ tục mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân | |
| 3 | Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết | |

| | |
|----|--|
| 4 | Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ |
| 5 | Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân |
| 6 | Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế |
| 7 | Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày |
| 8 | Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học |
| 9 | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học |
| 10 | Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ |
| 11 | Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công |
| 12 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” |
| 13 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an |
| 14 | Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an |
| 15 | Thủ tục hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ |
| 16 | Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang Lào, Cam-pu-chia |
| 17 | Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em |
| 18 | Đưa đối tượng ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em |
| 19 | Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân |
| 20 | Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật |
| 21 | Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật |
| 22 | Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở |
| 23 | Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng |
| 24 | Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn |

Lao động – Thương binh và Xã hội

| | | |
|----|---|--|
| 25 | Thủ tục Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình | |
| 26 | Thủ tục Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng | |
| 27 | Thủ tục Hoãn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng | |
| 28 | Thủ tục Miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng | |
| 29 | Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em | |
| 30 | Thông báo nhận chăm sóc, thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em | |
| 31 | Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc, thay thế | |
| 32 | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm | |
| 33 | Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm | |
| 34 | Trợ cấp 1 lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến | |
| 35 | Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến | |
| 36 | Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng. | |
| 37 | Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng. | |
| 38 | Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo. | |
| 39 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã. | |
| 40 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã. | |
| 41 | Thủ tục đăng ký thay đổi con người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung. | |
| 42 | Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng. | |
| 43 | Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng. | |
| 44 | Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo. | |
| 45 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã. | |
| 46 | Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi. | |

Lĩnh vực Nội vụ

| | |
|----|--|
| | |
| 47 | Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điêm chỉ và trường hợp cho cả người chứng thực không thể ký, không thể điêm chỉ được). |
| 48 | Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch. |
| 49 | Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch. |
| 50 | Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng giao dịch đã được chứng thực. |
| 51 | Thủ tục chứng thực hợp đồng giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở. |
| 52 | Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận tư sản. |
| 53 | Thủ tục chứng thực văn bản thoả thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở. |
| 54 | Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở. |
| 55 | Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con. |
| 56 | Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con. |
| 57 | Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động. |
| 58 | Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động. |
| 59 | Thủ tục khai tử lưu động. |
| 60 | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới. |
| 61 | Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới. |
| 62 | Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới. |
| 63 | Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới. |
| 64 | Thủ tục đăng ký giám hộ. |
| 65 | Thủ tục đăng ký châm dứt giám hộ. |
| 66 | Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. |
| 67 | Thủ tục đăng ký lại khai sinh. |
| 68 | Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân. |
| 69 | Thủ tục đăng ký lại khai tử. |
| 70 | Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi. |

Lĩnh vực Tư pháp

| | | | |
|----------|--|-------------------|--|
| 71 | Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | | |
| 72 | Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải. | | |
| 73 | Thủ tục công nhận hòa giải viên. | | |
| 74 | Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải | | |
| 75 | Thủ tục thôi làm hòa giải viên. | | |
| 76 | Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên. | | |
| 77 | Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật. | | |
| 78 | Thủ tục Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật. | | |
| 79 | Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở. | | |
| 80 | Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng | | |
| 81 | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia tách thư viện đối với thư viện cộng đồng. | | |
| 82 | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng. | | |
| 83 | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã. | | |
| 84 | Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học. | | |
| 85 | Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập. | | |
| 86 | Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại. | | |
| 87 | Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập. | | |
| 88 | Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập). | | |
| D | TTHC DÙNG CHUNG CÔNG ÍCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC SỞ, NGÀNH, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ: 11 TTHC | | |
| 1 | Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập | | |
| 2 | Thủ tục công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập | | |
| 3 | Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập | | |
| 4 | Thủ tục thực hiện việc giải trình | | |
| 5 | Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình | | |
| 6 | Tiếp công dân | Khiếu nại, tố cáo | |
| 7 | Thủ tục phục hồi danh dự cấp tỉnh, huyện | | |

| | | | |
|----|---|------------------------------|--|
| 8 | Giải quyết yêu cầu bồi thường tại các cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại cấp tỉnh, huyện, xã. | Lĩnh vực bồi thường nhà nước | |
| 9 | Thủ tục xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên. | | |
| 10 | Thủ tục xét tuyển đặc cách viên chức. | Công chức viên chức | |
| 11 | Thủ tục thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. | | |